**TUẦN 14** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**CHÚ ĐẤT NUNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Chú bé Đất can đảm, muốn trở thành người khoẻ mạnh, làm được nhiều việc có ích đã dám nung mình trong lửa đỏ (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Biết đọc bài văn với giọng kể chậm rãi; bước đầu biết đọc nhấn giọng một số từ ngữ gợi tả, gợi cảm và phân biệt lời người kể với lời nhân vật (chàng kị sĩ, ông Hòn Rấm, chú bé Đất).

**3. Thái độ**

- GD HS tính kiên trì, bền bỉ.

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

***\* KNS:*** *Xác định giá trị, tự nhận thức về bản thân, thể hiện sự tự tin*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Cao Bá Quát viết chữ rất xấu nên nhiều bài văn dù có hay thầy vẫn cho điểm kém.*  + 1 HS nêu ý nghĩa bài học | **1. Khởi động:** *(5p)*  - Đọc bài Văn hay chữ tốt  *+ Vì sao Cao Bá Quát thường bị điểm kém?*  *+ Nêu ý nghĩa bài học*  - GV nhận xét, dẫn vào bài. Giới thiệu bài và chủ điểm Tiếng sáo diều |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Biết đọc bài văn với giọng kể chậm rãi; bước đầu biết đọc nhấn giọng một số từ ngữ gợi tả.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài được chia làm 3 đoạn  + Đoạn 1: *Tết Trung thu … đi chăn trâu*  + Đoạn 2: *Cu Chắt … lọ thủy tinh*.  + Đoạn 3: *Còn một mình … đến hết*.  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*kĩ sĩ, mái lầu son, nắp tráp chái bếp đống rấm, ,....)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Toàn bài đọc với giọng vui, hồn nhiên. Lời anh chàng kị sĩ: kênh kiệu, lời ông Hòn Rấm: vui vẻ, ôn tồn. Lời chú bé Đất: chuyển từ ngạc nhiên sang mạnh dạn, táo bạo một cách đáng yêu.  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1)    - Giải thích về tục nặn tò he bằng bột vào các ngày Tết trung thu xưa. |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu: Chú bé Đất can đảm, muốn trở thành người khoẻ mạnh, làm được nhiều việc có ích đã dám nung mình trong lửa đỏ (trả lời được các câu hỏi trong SGK).  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - HS làm việc theo nhóm 4 – Chia sẻ kết quả dưới sự điều hành của TBHT  *+ Cu Chắt có các đồ chơi: một chàng kị sĩ cưỡi ngựa rất bảnh,một nàng công chúa ngồi trong lầu son, một chú bé bằng đất.*  *+ Chàng kị sĩ, nàng công chúa xinh đẹp là những món quà em được tặng trong dịp tết Trung thu. Các đồ chơi này được nặn từ bột, màu rất sặc sỡ và đẹp còn chú bé Đất là đồ chơi em tự nặn bằng đất sét khi đi chăn trâu.*  - Lắng nghe.  **- Giới thiệu các đồ chơi của cu Chắt.**  *+ Cu Chắt cất đồ chơi vào nắp cái tráp hỏng*  *+ Họ làm quen với nhau nhưng cu Đất đã làm bẩn quần áo đẹp của chàng kị sĩ và nàng công chúa nên cậu ta bị cu Chắt không cho họ chơi với nhau nữa.*  - **Cuộc làm quen giữa cu Đất và hai người bột**  *+ Vì chơi một mình chú cảm thấy buồn và nhớ quê.*  *+ Chú bé Đất đi ra cánh đồng. Mới đến chái bếp, gặp trời mưa, chú ngấm nước và bị rét, chú bèn chui vào bếp sưởi ấm. Lúc đầu thấy khoan khoái, lúc sau thấy nóng rát cả chân tay khiến chú ta lùi lại. Rồi chú gặp ông Hòn Rấm*  *+ Vì chú sợ ông Hòn Rấm chê chú là nhát / Vì chú muốn đuợc xông pha, làm nhiều việc có ích.*    - Lắng nghe  *+ Chi tiết “nung trong lửa” tượng trưng cho: Gian khổ và thử thách, con người vượt qua để trở nên cứng rắn và hữu ích.*    **- Kể lại việc chú bé Đất quyết định trở thành đất nung.**  **Ý nghĩa: Câu chuyện ca ngợi chú bé Đất can đảm, muốn trở thành người khỏe mạnh, làm được nhiều việc có ích đã dám nung mình trong lửa đỏ.**  - HS ghi lại nội dung bài | - GV phát phiếu học tập cho các nhóm  *+ Cu Chắt có những đồ chơi nào?*  *+ Những đồ chơi của cu Chắt có gì khác nhau?*  ***- Những đồ chơi của cu Chắt rất khác nhau: một bên là kị sĩ bảnh bao, hào hoa cưỡi ngựa tía, dây vàng với nàng công chúa xinh đẹp ngồi trong lầu son với một bên là một chú bé bằng đất sét mộc mạc giống hình người. Nhưng mỗi đồ chơi của chú đều có câu chuyện riêng đấy.***  + Đoạn 1 cho em biết điều gì?  *+ Cu Chắt để đồ chơi của mình vào đâu?*  *+ Những đồ chơi của cu Chắt làm quen với nhau như thế nào?*  *+ Ý chính của đoạn 2?*  *+ Vì sao chú bé Đất lại ra đi?*  *+ Chú bé Đất đi đâu và gặp chuyện gì?*  *+ Vì sao chú bé Đất quyết định trở thành Đất Nung?*  ***- Chúng ta thấy sự thay đổi thái độ của cu Đất. Lúc đầu chú sợ nóng rồi ngạc nhiên không tin rằng Đất có thể nung trong lửa. Cuối cùng chú hết sợ, vui vẻ, tự nguyện xin được nung. Điều đó khẳng định rằng: Chú bé Đất muốn được xông pha, muốn trở thành người có ích.***  *+ Chi tiết “nung trong lửa” tượng trưng cho điều gì?*  ***- Ông cha ta thường nói: “Lửa thử vàng, gian nan thử sức”, con người được tôi luyện trong gian nan, thử thách sẽ càng can đảm, mạnh mẽ và cứng rắn hơn. Cu Đất cũng vậy, biết đâu sau này chú ta sẽ làm được những việc có ích cho cuộc sống.***  + Đoạn cuối bài nói lên điều gì?  - Hãy nêu ý nghĩa của câu chuyện.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc diễn cảm và phân vai đoạn số 3 của bài  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành:  + Phân vai trong nhóm  + Luyện đọc theo nhóm  - Vài nhóm thi đọc trước lớp.  - Bình chọn nhóm đọc hay.  - HS nêu  - Tìm đọc toàn bộ câu chuyện Chú Đất Nung của nhà văn Nguyễn Kiên | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu đọc phân vai đoạn 3, lưu ý phân biệt lời các nhân vật.  - GV nhận xét, đánh giá chung  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  + Em học được điều gì qua hình ảnh chú bé Đất Nung?  - Liên hệ giáo dục: kiên trì, bền bỉ trải qua thử thách để học được những bài học hay  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 61:* CHIA MỘT TỔNG CHO MỘT SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết chia một tổng cho một số.

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết vận dụng tính chất chia một tổng cho một số trong thực hành tính.

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\*Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:** *(5p)*    - GV giới thiệu vào bài |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết cách chia một tổng cho một số  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp** | |
| - HS đọc biểu thức  - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  (35 + 21): 7 và 35: 7 + 21: 7  = 56: 7 = 8 = 5 + 3 = 8  *+ Bằng nhau. (đều bằng 8)*  - HS đọc biểu thức.  *+ Có dạng là một tổng chia cho một số.*  *+ Biểu thức là tổng của hai thương*  *+ Thương thứ nhất là 35: 7, thương thứ hai là 21: 7*  *+Là các số hạng của tổng (35 + 21).*  *+ 7 là số chia.*  **Công thức: (a + b): c = a: c+ b: c**  - HS nghe GV nêu tính chất và sau đó nêu lại.  - HS lấy VD về cách thực hiện chia 1 tổng cho 1 số. | ***\*. So sánh giá trị của biểu thức***  - Ghi lên bảng hai biểu thức:  (35 + 21): 7 và 35: 7 + 21: 7  - Yêu cầu HS tính giá trị của hai biểu thức trên  *+ Giá trị của hai biểu thức (35 + 21): 7 và 35: 7 + 21: 7 như thế nào so với nhau?*  - Vậy ta có thể viết:  (35 + 21): 7 = 35: 7 + 21: 7  *\*****Rút ra kết luận về một tổng chia cho một số***  *+ BT (35 + 21): 7 có dạng thế nào?*  *+ Hãy nhận xét về dạng của biểu thức.*  *35 : 7 + 21: 7 ?*  *+ Nêu từng thương trong biểu thức này.*  *+ 35 và 21 là gì trong biểu thức (35 + 21): 7*  *+ Còn 7 là gì trong biểu thức (35 + 21): 7 ?*  *+ Qua hai biểu thức trên, em hãy rút ra công thức tính và qui tắc?* |
| **3. HĐ thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu**: Bước đầu biết vận dụng tính chất chia một tổng cho một số trong thực hành tính.  **\* Cách tiến hành** | |
| - Thực hiện cá nhân - Chia sẻ nhóm 2 - chia sẻ lớp  Đ/a:  (15 + 35): 5 (80 + 40): 4  = 50: 5 = 10 = 120: 4 = 30  (15 + 35): 5 (80 + 40): 4  = 15: 5 + 35: 5 = 80: 4 + 40: 4  = 3 + 7 = 10 = 20 + 10 = 30  Đ/a:  18: 6 + 24: 6 60: 3 + 9 : 3  = 3+ 4 = 7 = 20+ 3 = 23  18: 6 + 24: 6 60: 3 + 9 : 3  = (18 + 24): 6 = (60 + 9): 3  = 42 : 6 = 7 = 69: 3 = 23  - Làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đ/a:  a. (27 – 18): 3 b. (64 – 32): 8  = 9 : 3 = 3 = 32: 8 = 4  (27 – 18): 3 (64 – 32): 8  = 27: 3 – 18: 3 = 64: 8 – 32 – 8  = 9 – 6 = 3 = 8 – 4 = 4  - HS làm vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài giải  Lớp 4A chia được số nhóm là: 32 : 4 = 8 (nhóm)  Lớp 4B chia được số nhóm là:  28 : 4 = 7 (nhóm)  Tất cả có số nhóm là:  8 + 7 = 15 (nhóm)  Đ/s: 15 nhóm  - Ghi nhớ cách chia một tổng cho một số  - Giải BT 3 bằng cách khác | ***Bài 1a:***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án.  - Củng cố tính chất chia một tổng cho một số.  ***Bài 1b***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án.  ***Bài 2:*** Tính bằng hai cách (theo mẫu)  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án, củng cố tính chất chia một hiệu cho một số.  **Bài 3: *(Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**MỘT SỐ CÁCH LÀM SẠCH NƯỚC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số cách làm sạch nước: lọc, khử trùng, đun sôi,…

- Nắm được quy trình sản xuất nước sạch

**2. Kĩ năng**

- Thực hành lọc nước

**3. Thái độ**

- Biết sử dụng nước sạch, đun sôi nước để đảm bảo an toàn cho sức khoẻ

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

***\* BVMT:*** *Bảo vệ, cách thức làm cho nước sạch, tiết kiệm nước; bảo vệ bầu không khí*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Các hình minh hoạ trang 56, 57 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

- HS chuẩn bị theo nhóm các dụng cụ thực hành: Nước đục, hai chai nhựa trong giống nhau, giấy lọc, cát, than bột.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** | |
| - HS trả lời dưới sự điều hành của TBHT  *+ Do xả rác, phân nước thải bừa bãi...*  *+ Là nơi vi sinh vật sinh sống, phát triển và lan truyền các loaị như dịch tả,...* | **1, Khởi động *(4p)***  *+ Nêu những nguyên nhân nào làm ô nhiễm nước?*  *+ Nguồn nước bị ô nhiễm có tác hại gì đối với sức khỏe của con người?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. | |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** Biết một số cách làm sạch nước. Thực hiện lọc nước mức độ đơn giản. Nắm được quy trình sản xuất nước sạch  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | | |
| **Cá nhân- Lớp**    \*\*Những cách làm sạch nước là:  *+ Dùng bể đựng cát, sỏi để lọc. Dùng bình lọc nước. Dùng bông lót ở phễu để lọc. Dùng nước vôi trong. Dùng phèn chua. Dùng than củi. Đun sôi nước.*  *+ Làm cho nước trong hơn, loại bỏ một số vi khuẩn gây bệnh cho con người.*  - HS lắng nghe.  **Nhóm 4 - Lớp**  - HS đọc nội dung SGK  - HS thực hành theo hướng dẫn SGK.  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả.  *+ Nước trước khi lọc có màu đục, có nhiều tạp chất như đất, cát,.. Nước sau khi lọc trong suốt, không có tạp chất.*  *+ Chưa uống được vì nước đó chỉ sạch các tạp chất, vẫn còn các vi khuẩn khác mà bằng mắt thường ta* *không nhìn thấy được.*  *+ Khi tiến hành lọc nước đơn giản chúng ta cần phải có than bột, cát hay sỏi.*  *+ Than bột có tác dụng khử mùi và màu của nước.*  *+ Cát hay sỏi có tác dụng loại bỏ các chất không tan trong nước*.  - HS lắng nghe.  **Nhóm 2 – Lớp**  - HS quan sát tranh SGK, nêu quy trình sản xuất nước sạch  - HS quan sát, lắng nghe.  **Cá nhân – Lớp**  *+ Đều không uống ngay được. Chúng ta cần phải đun sôi nước trước khi uống để diệt hết các vi khuẩn nhỏ sống trong nước và loại bỏ các chất độc còn tồn tại trong nước.*  *+ Chúng ta cần giữ vệ sinh nguồn nước chung và nguồn nước tại gia đình mình. Không để nước bẩn lẫn nước sạch.*  - HS nêu  - Tìm hiểu về cách lọc nước giếng khoan ở một số hộ gia đình. | | **HĐ1: Tìm hiểu một số cách làm sạch nước:**  1*) Gia đình hoặc địa phương em đã sử dụng những cách nào để làm sạch nước?*  *+ Những cách làm như vậy đem lại hiệu quả như thế nào?*  ***\* Kết luận: Thông thường người ta làm sạch nước bằng 3 cách sau: Lọc nước, khử trùng nước, đun sôi nước.***  ***Tác dụng của việc lọc nước: Tách các chất không bị hoà tan ra khỏi nước.***  ***+ Để diệt vi khuẩn người ta có thể pha vào nước những chất khử trùng như nước gia- ven. Tuy nhiên, chất này thường làm cho nước có mùi hắc.***  ***+ Đun nước cho tới khi sôi, để thêm 10 phút, phần lớn vi khuẩn chết hết. Nước bốc hơi mạnh, mùi thuốc khử trùng cũng hết.***  **HĐ2: Thực hành lọc nước:**  - GV tổ chức cho HS thực hành lọc nước đơn giản với các dụng cụ đã chuẩn bị theo nhóm  *+ Em có nhận xét gì về nước trước và sau khi lọc?*  *+ Nước sau khi lọc đã uống được chưa? Vì sao?*  *+ Khi tiến hành lọc nước đơn giản chúng ta cần có những gì?*  *+ Than bột có tác dụng gì?*  *+ Vậy cát hay sỏi có tác dụng gì?*  ***\*\* Đó là cách lọc nước đơn giản. Nước tuy sạch nhưng chưa loại các vi khuẩn, các chất sắt và các chất độc khác. Cô sẽ giới thiệu cho cả lớp mình dây chuyền sản xuất nước sạch của nhà máy. Nước này đảm bảo là đã diệt hết các vi khuẩn và loại bỏ các chất độc còn tồn tại trong nước.***  **HĐ3: Tìm hiểu qui trình sản xuất nước sạch:**  - GV vừa giảng bài vừa chỉ vào hình minh hoạ 2: Nước được lấy từ nguồn như nước giếng, nước sông, … đưa vào trạm bơm đợt một. Sau đó chảy qua dàn khử sắt, bể lắng để loại chất sắt và những chất không hoà tan trong nước. Tiếp tục qua bể lọc để loại các chất không tan trong nước. Rồi qua bể sát trùng và được dồn vào bể chứa. Sau đó nước chảy vào trạm bơm đợt hai để chảy về nơi cung cấp nước sản xuất và sinh hoạt.  ***\* Kết luận: Nước được sản xuất từ các nhà máy đảm bảo được 3 tiêu chuẩn: Khử sắt, loại bỏ các chất không tan trong nước và sát trùng.***  **HĐ4: Sự cần thiết phải đun sôi nước trước khi uống.**  *+ Nước đã làm sạch bằng cách lọc đơn giản hay do nhà máy sản xuất đã uống ngay được chưa?Vì sao chúng ta cần phải đun sôi nước trước khi uống?*  *+ Để thực hiện vệ sinh khi dùng nước các em cần làm gì?*  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  + Nêu cách cách đề bảo vệ nguồn nước?  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**CHÍNH TẢ**

**CHIẾC ÁO BÚP BÊ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nghe - viết đúng bài CT; trình bày đúng hình thức đoạn văn

- Làm đúng BT2a, BT3a phân biệt s/x

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, phiếu học tập.

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành HS cùng hát kết hợp với vận động tại chỗ | **1. Khởi động: (***2p***)**  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, cách viết đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc- HS lớp đọc thầm  *+ Bạn nhỏ khâu cho búp bê một chiếc áo rất đẹp, cổ cao, tà loe, mép áo viền vải xanh, khuy bấm như hạt cườm.*  *-* HS nêu từ khó viết*: phong phanh, xa tanh, loe ra, hạt cườm, đính dọc, nẹp áo -* Viết từ khó vào vở nháp | a. Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Gọi HS đọc đoạn văn cần viết  *+ Bạn nhỏ đã khâu cho búp bê một chiếc áo đẹp như thế nào?*  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết. |
| **3. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nghe -viết tốt bài chính tả theo hình thức đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nghe - viết bài vào vở | - GV đọc bài cho HS viết  - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt.  - Nhắc nhở cách cầm bút và tư thế ngồi viết. |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được s/x  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp** | |
| - HS làm cá nhân – chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lóp  Đáp án:  *xinh, xóm, xít, xanh, sao, súng, sờ, sướng, sợ*  - Tham gia chơi dưới sự điều hành của GV  Đáp án:  + Các tính từ chứa x: xấu xí, xấu xa, xanh, xa, xúm xít, xinh xinh,....  + Các tính từ chứa s: sắc, san sát, sáng suốt, sáng sủa, ....  - Viết lại 5 lần các từ viết sai trong bài chính tả  - Đặt câu với 1 tinh từ em tìm được ở bài 3a. | **Bài 2a:** Điền vào ô trống  **Bài 3a**  - Tổ chức cho HS chơi trò chơi Tiếp sức giữa 3 tổ  **6. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 67:* CHIA CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách chia số có nhiều chữ số cho số có một chữ số.

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được phép chia một số có nhiều chữ số cho số có một chữ số (chia hết, chia có dư).

**3. Thái độ**

- HS tích cực, cẩn thận khi làm bài

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1 (dòng 1, 2), bài 2

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

-HS: SGK,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** | | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - Dẫn vào bài mới | | |
| **2. Hình thành kiến thức mới (15p)**  **\* Mục tiêu:** Biết cách chia số có nhiều chữ số cho số có một chữ số  **\* Cách tiến hành:** **Cá nhân- Nhóm – Lớp** | | | |
| - HS thực hành chia cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  chia như SGK.  128472 6  08 21412  24  07  12  0  *+ Chia theo thứ tự từ phải sang trái*  - HS nêu  *+ Phép chia hết*  - HS đặt tính và thực hiện phép chia. – Chia sẻ lớp  230859 5  30 46171  08  35  09  4  Vậy 230 859: 5 = 46 171 (dư 4)  *+ Là phép chia có số dư là 4.*  *+ Số dư luôn nhỏ hơn số chia.* | | | ***\* Hướng dẫn thực hiện phép chia***  a. Phép chia 128 472: 6  - GV viết lên bảng phép chia, yêu cầu HS thực hiện phép chia.  *+ Vậy chúng ta phải thực hiện phép chia theo thứ tự nào?*  + Nêu các bước chia  *+ Phép chia 128 472: 6 là phép chia hết hay phép chia có dư?*  b. Phép chia 230 859: 5    *+ Phép chia 230 859: 5 là phép chia hết hay phép chia có dư?*  *+ Với phép chia có dư chúng ta phải chú ý điều gì?*  - Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép tính |
| **3. Hoạt động thực hành** *(18p)*  **\* Mục tiêu**: Thực hiện được phép chia một số có nhiều chữ số cho số có một chữ số (chia hết, chia có dư).và vận dụng giải các bài toán liên quan  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm 2- Lớp** | | | |
| - HS làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp  Đáp án  278157 3 158735 3  08 92719 08 52911  21 27  05 03  27 05  0 2  304968 4  24 76242  09  16  08  0      - Thực hiện theo YC của GV.  Bài giải  Số lít xăng có trong mỗi bể là  128610: 6 = 21435 (lít)  Đáp số: 21435 lít  - HS làm bài vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài giải  Ta có: 187 250 : 8 = 23 406 (dư 2)  Vậy có thể xếp được nhiều nhất vào 23 406 hộp và còn thừa 2 cái áo  Đ/s: 23 406 hộp, thừa 2 cái áo  - Ghi nhớ cách thực hiện chia cho số có 1 chữ số.  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải. | | ***Bài 1(dòng 1, 2) HSNK có thể hoàn thành cả bài.***  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép chia cho số có 1 chữ số.  Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 2:***  ­- Gọi HS đọc đề bài, xác định yếu tố đã cho, yếu tố cần tìm.  - Cho HS làm bài vào vở.  - GV nhận xét, đánh giá một số bài.  - Nhận xét, chữa bài.  **Bài 3 *(Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ**

**Nhà TrẦn Thành LẬp**

**1. Kiến thức**

- Biết được hoàn cảnh nhà Trần ra đời : Đến cuối thế kỉ XII nhà Lý ngày càng suy yếu, đầu năm 1226, Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh, nhà Trần được thành lập.

- Những việc làm của nhà Trần để củng cố và xây dựng đất nước.

**2. Kĩ năng**

- Xác định được vai trò to lớn của nhà Trần với sự hưng thịnh của đất nước.

**3. Thái độ**

- HS có thái độ tôn trọng lịch sử.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Phiếu học tập của HS.

+ Tranh minh hoạ

- HS: SGK.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét.  *+ Cuối năm 1076, nhà Tống cho 10 vạn bộ binh, 1 vạn ngựa, 20 vạn...*  *+ Sau ba tháng đặt chân lên nước ta, số quân Tống chết đến quả nửa,...* | **1.Khởi động:***(4p)*  *+ Thuật lại cuộc chiến đấu ở phòng tuyến sông Cầu.*  *+ Nêu kết quả của cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược?*  - GV nhận xét, khen/ động viên. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  ***\* Mục tiêu***: Nắm được hoàn cảnh ra đời của nhà Trần. Những việc làm của nhà Trần để củng cố và xây dựng đất nước.  ***\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm - Lớp*** | |
| **Cá nhân – Lớp**  - 1 HS đọc  *+ Cuối thế kỉ XII,nhà Lý suy yếu, nội bộ triều đình lục đục, đời sống nhân dân khổ cực. Giặc ngoại xâm lăm le xâm lược nước ta. Vua Lý phải dựa vào thế lực của nhà Trần (Trần Thủ Độ) để giữ ngai vàng.*  *+ Vua Lý Huệ Tông không có con trai nên truyền ngôi cho con gái là Lý Chiêu Hoàng. Trần Thủ Độ tìm cách cho Lý Chiêu Hoàng lấy Trần Cảnh, rồi nhường ngôi cho chồng. Nhà Trần được thành lập.*  - Lắng nghe  **Nhóm 4 – Lớp**  - HS thảo luận. Đại diện trình bày kết quả.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  Điền dấu x vào ô trống sau chính sách nào được nhà Trần thực hiện:  □ Đứng đầu nhà nước là vua.  □ Vua đặt lệ nhường ngôi sớm cho con.  □ Đặt thêm các chức quan Hà đê sứ, Khuyến nông sứ, Đồn điền sứ.  □ Đặt chuông trước cung điện để nhân dân đến đánh chuông khi có điều oan ức hoặc cầu xin.  □ Cả nước chia thành các lộ, phủ, châu, huyện, xã.  □ Trai tráng mạnh khỏe được tuyển vào quân đội, thời bình thì sản xuất, khi có chiến tranh thì tham gia chiến đấu.  **Cá nhân – Lớp**  *+ Trong các buổi tiệc yến, có lúc vua và các quan cùng nắm tay nhau hát vui vẻ.*  - Lắng nghe  - Ghi nhớ KT của bài  - Kể chuyện lịch sử về Trần Thủ Độ, người có công đầu trong việc thành lập nhà Trần | **HĐ1: Nhà Trần thành lập:**  - GV cho HS đọc SGK từ: “*Đến cuối TK XII …. nhà Trần thành lập*”.  *+ Hoàn cảnh nước ta cuối TK XII như thế nào?*    *+ Trong hoàn cảnh đó, nhà Trần đã thay thế nhà Lý như thế nào?*  \****GV kết luận: Khi nhà Lý suy yếu, tình hình đất nước khó khăn, nhà Lý không còn gánh vác được việc nước nên sự thay thế nhà Lý bằng nhà Trần là một điều tất yếu. Chúng ta cùng tìm hiểu tiếp bài để biết nhà Trần làm gì để xây dựng và bảo vệ đất nước.***  **HĐ 2: Những chính sách thời nhà Trần:**  - GV phát phiếu bài tập, yêu cầu HS sau khi đọc SGK.  - GV hướng dẫn kiểm tra kết quả làm việc của các nhóm và tổ chức cho các nhóm trình bày những chính sách về tổ chức nhà nước được nhà Trần thực hiện.  **Hoạt động 3: Cả lớp:**  GV đặt câu hỏi để HS thảo luận:  *+ Những sự việc nào trong bài chứng tỏ rằng giữa vua với quan và vua với dân dưới thời nhà Trần chưa có sự cách biệt quá xa?*  ***- GV: Vua đặt chuông ở thềm cung điện cho dân đến đánh khi có điều gì cầu xin, oan ức. Ở trong triều, sau các buổi yến tiệc, vua và các quan có lúc nắm tay nhau, ca hát vui vẻ.***  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*.  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**LUYỆN TẬP VỀ CÂU HỎI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập kiến thức về câu hỏi

**2. Kĩ năng**

- Đặt được câu hỏi cho bộ phận xác định trong câu (BT1);

- Nhận biết được một số từ nghi vấn và đặt CH với các từ nghi vấn ấy (BT3, BT4);

- Bước đầu nhận biết được một dạng câu có từ nghi vấn nhưng không dùng để hỏi (BT5).

*\*ĐCND: Không làm BT 2.*

**3. Thái độ**

- HS có ý thức sử dụng câu hỏi đúng mục đích.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: 4 phiếu nhóm, bút dạ, bảng phụ

- HS: vở BT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** | |
| - TBHT điều hành lớp nhận xét, trả lời  *+ Câu hỏi dùng để hỏi về những điều chưa biết. VD....*  *- HS đặt câu.* | 1**. Khởi động** (3p)  *+ Câu hỏi dùng để làm gì? Cho ví dụ?*  *+ Hãy đặt 2 câu hỏi: câu dùng để hỏi người khác, 1 câu tự hỏi mình.*  - GV nhận xét, đánh giá chung, giới thiệu và dẫn vào bài mới | |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Đặt được câu hỏi cho bộ phận xác định trong câu (BT1);  - Nhận biết được một số từ nghi vấn và đặt CH với các từ nghi vấn ấy (BT3, BT4);  - Bước đầu nhận biết được một dạng câu có từ nghi vấn nhưng không dùng để hỏi (BT5).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | | |
| **Nhóm 2 - Chia sẻ lớp**  Đáp án:  *a) Ai hăng hái nhất và khỏe nhất?*  *Hăng hái nhất và khỏe nhất là ai?*  *b) Trước giờ học, chúng em thường làm gì?*  *Chúng em thường làm gì trước giờ học?*  *c) Bến cảng như thế nào?*  *d) Bọn trẻ xóm em hay thả diều ở dâu?*  - Thực hiện theo yêu cầu của GV  **Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp**  Đ/a:  a) ***Có phải*** *chú bé Đất trở thành Đất Nung* ***không****?*  *b) Chú bé Đất trở thành Đất Nung* ***phải không***  *c) Chú bé Đất trở thành Đầt Nung* ***à****?*  - Lắng nghe  **Cá nhân - Nhóm 2 – Lớp**  - Các từ nghi vấn:  *có phải – không?/phải không?/à?*  Đ/a:  • *Có phải cậu học lớp 4 A1 không?*  *• Cậu muốn chơi với chúng tớ lắm phải không?*  *• Bạn thích chơi đá bóng à?*  - HS M3, M4 đặt câu có từ nghi vấn khác.  **Nhóm 2 – Lớp**  - 1 HS đọc thành tiếng.  *+ Câu hỏi dùng để hỏi những điều chưa biết. Phần lớn câu là để hỏi người khác nhưng cũng có câu hỏi là để tự hỏi mình...*  + Câu a), d) là câu hỏi vì chúng dùng để hỏi điều mà bạn chưa biết.  + Câu b), c), e) không phải là câu hỏi. Vì câu b) là nêu ý kiến của người nói. Câu c), e) là nêu ý kiến đề nghị.  - Ghi nhớ kiến thức về câu hỏi  - Xây dựng 1 đoạn hội thoại giữa em và bạn cùng lớp, trong đoạn hội thoại có sử dụng câu hỏi | | ***Bài 1:*** Đặt câu hỏi cho các bộ phận câu...    - Sau mỗi HS đặt câu GV hỏi: Ai còn cách đặt câu khác?  - Nhận xét chung về các câu hỏi của HS - Chốt cách đặt câu hỏi  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 3:*** Tìm từ nghi vấn trong các câu sau.  - Kết luận, chốt đáp án, nhắc lại một số từ nghi vấn hay dùng trong câu hỏi: sao, như thế nào, thế nào, phải chăng,...  ***Bài 4:*** Với mỗi từ hoặc cặp từ...  - Gọi HS đọc lại các từ nghi vấn ở bài tập 3.  - Nhận xét HS về cách đặt câu.  \* Giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 5***  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  *+ Thế nào là câu hỏi?*  - Trong 5 câu có dấu chấm hỏi ghi trong SGK, có những câu là câu hỏi nhưng cũng có những câu không phải là câu hỏi. Chúng ta phải tìm xem đó là câu nào, và không được dùng dấu chấm hỏi.  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 68:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố KT về chia cho số có 1 chữ số, bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của 2 số đó.

**2. Kĩ năng**

- HS thực hiện thành thạo phép chia cho số có 1 chữ số.

- Giải tốt dạng toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

- Củng cố cách chia 1 tổng cho 1 số.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2a, bài 4a

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu nhóm

- HS: SGk, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. HĐ khởi động *(3p)***  - GV giới thiệu bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** - HS thực hiện thành thạo phép chia cho số có 1 chữ số.  - Giải tốt dạng toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.  - Củng cố cách chia 1 tổng cho 1 số  **\* Cách tiến hành: Cá nhân –Lớp** | |
| - Cá nhân- Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  - HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  Đáp án:  67497 7 42789 5  44 27  29 9642 28 8557  17 39  3 4    359361 9 238057 8  89 78  83 39929 60 29757  26 45  81 57  0 1  +.............*số dư bé hơn số chia*  - Cá nhân – Chia sẻ lớp    + Số bé = (Tổng \_ Hiệu): 2  + Số lớn = (Tổng + Hiệu): 2  Đáp án:  a) Số bé là: (42506- 18472): 2 = 12017  Số lớn là: 12017 + 18472 = 30489  b) SB: 26 304  SL: 111 591  - Làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Lớp  - HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  Đáp án:  a)C1: (33164 + 28528): 4  = 61692 : 4  = 15423  C2: 33164: 4+ 28528: 4  = 8291 + 7132  = 15423  - HS làm vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài giải  3 toa đầu chở số kg hàng là:  14 580 x 3 = 43 740 (kg)  6 toa sau chở số kg hàng là:  13 275 x 6 = 81450 (kg)  TB mỗi toa chở số kg hàng là:  (43 740 + 81 450) : (3 + 6) = 20 865 (kg)  Đ/s: 20 865 kg hàng  - Ghi nhớ các KT trong tiết học  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải. | - ***Bài 1: Đặt tính rồi tính.***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án, củng cố cách đặt tính và tính  *+ Các phép chia nào là phép chia hết, các phép chia nào là phép chia có dư? Số dư có đặc điểm gì?*  ***Bài 2a. HSNK có thể hoàn thành cả bài.***  - GV yêu cầu HS nêu cách tìm số bé số lớn trong bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.  - Nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  ***Bài 4a. HSNK có thể hoàn thành cả bài.***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Củng cố cách chia một tổng cho 1 số  ***Bài 3: (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **5. Hoạt động sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**BIẾT ƠN THẦY GIÁO, CÔ GIÁO (T1)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được công lao của thầy giáo, cô giáo.

**2. Kĩ năng**

- Nêu được những việc cần làm thể hiện sự biết ơn đối với thầy giáo, cô giáo.

- Nhắc nhở các bạn thực hiện kính trọng, biết ơn đối với các thầy giáo, cô giáo đã và đang dạy mình.

**3. Thái độ**

- Lễ phép, vâng lời thầy giáo, cô giáo.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

***\* KNS:*** *- Lắng nghe lời dạy của thầy cô*

*- Thể hiện sự kính trọng, biết ơn với thầy cô*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: : + Máy vi tính, máy chiếu.

+ Thẻ chữ A, B, C, D.

+ Thẻ mặt cười, mặt mếu.

+ Các băng chữ để sử dụng cho hoạt động 3, tiết 1.

- HS: SGK, thẻ bày tỏ ý kiến

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động:***(5p)*  - Lớp hát bài: Thầy cô cho em mùa xuân  - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới |
| **2.Hình thành KT mới***(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết được công lao của thầy giáo, cô giáo. Nêu được những việc cần làm thể hiện sự biết ơn đối với thầy giáo, cô giáo  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** |  |
| **Nhóm 2 – Lớp**  - HS thảo luận dự đoán các cách ứng xử có thể xảy ra.  - HS lựa chọn cách ứng xử và trình bày lí do lựa chọn.  - Lắng nghe  - Đọc Ghi nhớ của bài  **Nhóm 2 – Lớp**  - HS thảo luận nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp  + Các tranh 1, 2, 4: thể hiện thái độ kính trọng, biết ơn thầy giáo, cô giáo.  + Tranh 3: Không chào cô giáo khi cô không dạy lớp mình là biểu lộ sự không tôn trọng thầy giáo, cô giáo.  **Nhóm 4- Lớp**  - Từng nhóm HS thảo luận và ghi những việc nên làm vào các tờ giấy nhỏ.  - Từng nhóm chia sẻ  - Các nhóm khác góp ý kiến bổ sung.  - Lắng nghe.  - HS nêu các việc làm khác mà mình đã làm để thể hiện lòng biết ơn thầy cô.  - Ghi nhớ bài học  - Làm thiệp, vẽ tranh tặng thầy cô | **HĐ 1: Xử lí tình huống** (SGK/20- 21):  - GV nêu tình huống như SGK  ***- Kết luận: Các thầy giáo, cô giáo đã dạy dỗ các em biết nhiều điều hay, điều tốt. Do đó các em phải kính trọng, biết ơn thầy giáo, cô giáo.***  **HĐ2: Chọn lựa hành vi** *(BT 1-SGK)*  - GV nêu yêu cầu và chia lớp thành 4 nhóm HS làm bài tập.  Việc làm nào trong các tranh (dưới đây) thể hiện lòng kính trọng, biết ơn thầy giáo, cô giáo?  🟇Nhóm 1: Tranh 1  🟇Nhóm 2: Tranh 2  🟇Nhóm 3: Tranh 3  🟇Nhóm 4: Tranh 4  - GV nhận xét và chia ra phương án đúng của bài tập.  **HĐ 3: Các việc làm thể hiện lòng kính trọng, biết ơn thầy cô** *(BT 2- SGK):*  - GV chia HS làm 8 nhóm. Mỗi nhóm nhận một băng chữ viết tên một việc làm trong bài tập 2 và yêu cầu HS lựa chọn những việc làm thể hiện lòng biết ơn thầy giáo, cô giáo.  ***- GV kết luận:***  ***Có nhiều cách thể hiện lòng biết ơn đối với thầy giáo, cô giáo.***  ***Các việc làm a, b, d, đ, e, g là biết ơn thầy giáo, cô giáo.***  **3. HĐ ứng dụng** (*1p)*  **4. HĐ sáng tạo (***1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**BÚP BÊ CỦA AI?**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu lời khuyên qua câu chuyện: Phải biết gìn giữ, yêu quí đồ chơi.

**2. Kĩ năng:**

- Dựa theo lời kể của GV, nói được lời thuyết minh cho từng tranh minh hoạ (BT1), bước đầu kể lại được câu chuyện bằng lời kể của búp bê (BT2).

**3. Thái độ**

- GD HS phải biết quý trọng, giữ gìn đồ chơi, biết yêu quý mọi vật quanh mình.

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh họa truyện trong SGK, trang 138 (phóng to nếu có điều kiện)

- HS: SGK, bút dạ

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, đóng vai

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | | **1. Khởi động***:(5p)* |
| **2. HĐ nghe kể:**  **\* Mục tiêu**: HSnghe kể, nhớ được nội dung câu chuyện  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | | |
| - HS lắng nghe, phân biệt, nhận biết lời các nhân vật  - GV lắng nghe, quan sát tranh | | **GV kể chuyện:**  - GV kể chuyện lần 1: Chú ý giọng kể chậm rãi, nhẹ nhàng.  - Lời búp bê lúc đầu: tủi thân, sau: sung sướng.  - Lời lật đật: oán trách.  - Lời Nga: hỏi ầm lên, đỏng đảnh.  - Lời cô bé: dịu dàng, ân cần.  - GV kể chuyện lần 2: Vừa kể vừa chỉ vào tranh minh họa. |
| **3. Thực hành kể chuyện – Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***:(15- 20p)*  **\* Mục tiêu:** Dựa theo lời kể của GV, nói được lời thuyết minh cho từng tranh minh hoạ (BT1). Bước đầu kể lại được câu chuyện bằng lời kể của búp bê (BT2).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | | |
| - Làm việc nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đáp án:  - Tranh 1: *Búp bê bỏ quên trên nóc tủ cùng các* *đồ chơi khác.*  Tranh 2: *Mùa đông, không có váy áo, búp bê bị cóng lạnh, tủi thân khóc.*  Tranh 3: *Đêm tối, không có váy áo, búp bê bỏ cô chủ, đi ra phố.*  Tranh 4: *Một cô bé tốt bụng nhìn thấy búp bê nằm trong đống lá khô.*  Tranh 5: *Cô bé may váy áo mới cho búp bê.*  Tranh 6: *Búp bê sống hạnh phúc trong tình yêu thương của cô chủ mới*.  **Cá nhân – Nhóm 4 – Lớp**  *+ Kể chuyện bằng lời của búp bê là mình đóng vai búp bê để kể lại truyện.*  *+ Khi kể phải xưng tôi hoặc* *tớ, mình, em*.  - Lắng nghe.  *Tôi là một con búp bê rất đáng yêu. Lúc đầu, tôi ở nhà chị Nga. Chị Nga ham chơi, chóng chán. Dạo hè, chị thích tôi, đòi bằng được mẹ mua tôi. Nhưng ít lâu sau, chị bỏ mặc tôi trên nóc tủ cùng các đồ chơi khác. Chúng tôi ai cũng bị bụi bám đầy người, rất bẩn.*  - HS kể cá nhân – Chia sẻ nhóm – Cử đại diện kể trước lớp  - HS nhận xét bạn kể.  - Nhận xét chung, bình chọn bạn nhập vai hay nhất, kể hay nhất.  *+ Phải biết yêu quý, giữ gìn đồ chơi*  *+ Đồ chơi cũng là một bạn tốt của mỗi chúng ta.*  *+ Búp bê cũng biết suy nghĩ,hãy biết quý trọng tình bạn của nó.*  *+ Đồ chơi cũng có tình cảm với chủ, hãy biết yêu quý và giữ gìn chúng …*  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  - Kể lại câu chuyện bằng lời của Nga | a. Viết lời thuyết minh  - Yêu cầu HS quan sát tranh, thảo luận theo cặp để tìm lời thuyết minh cho từng tranh.  - Nhận xét, sửa lời thuyết minh.  b. Kể chuyện bằng lời của búp bê.  *+ Kể chuyện bằng lời của búp bê là như thế nào?*  *+ Khi kể phải xưng hô như thế nào?*  - Gọi 1 HS kể mẫu trước lớp.  - Yêu cầu HS kể chuyện trong nhóm. GV có thể giúp đỡ những HS gặp khó khăn.  - Tổ chức cho HS thi kể trước lớp.  \*Giúp đỡ hs M1+M2 kể được câu truyện.  Hs M3+M4 kể được lưu lát lời kể của búp bê.  **c.Tìm hiểu nội dung, ý nghĩa câu chuyện**:  *+ Câu chuyện muốn nói tới các em điều gì?*  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** | |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**THÊU MÓC XÍCH** (Tiết 1)

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách thêu móc xích, ứng dụng của thêu móc xích.

**2. Kĩ năng**

- Thêu được mũi thêu móc xích. Các mũi thêu tạo thành những vòng chỉ móc nối tiếp tương đối đều nhau. Thêu được ít nhất năm vòng móc xích. Đường thêu có thể bị rúm

\* Với HS khéo tay:

+ Thêu được mũi thêu móc xích. Các mũi thêu tạo thành những vòng chỉ móc nối tiếp tương đối đều nhau. Thêu được ít nhất tám vòng móc xích và đường thêu ít bị rúm.

+ Có thể ứng dụng thêu móc xích để tạo thành sản phẩm đơn giản.

**3. Thái độ**

- Giáo dục tính cẩn thận, khéo léo, an toàn khi thực hành

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: +Tranh quy trình thêu móc xích.

+ Mẫu thêu móc xích được thêu bằng len (hoặc sợi) trên bìa, vải khác màu có kích thước đủ lớn (chiều dài đủ thêu khoảng 2 cm) và một số sản phẩm được thêu trang trí bằng mũi thêu móc xích.

- HS: Vật liệu và dụng cụ cần thiết:

+ Một mảnh vải sợi bông trắng hoặc màu, có kích thước 20 cm x 30cm.

+ Len, chỉ thêu khác màu vải.

+ Kim khâu len và kim thêu.

+ Phấn vạch, thước, kéo.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp, thảo luận nhóm

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, phòng tranh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | | **1. HĐ khởi động** *(3p)*  - GV kiểm tra đồ dùng của HS |
| **2. HĐ thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu**: Thêu được mũi thêu móc xích. Các mũi thêu tạo thành những vòng chỉ móc nối tiếp tương đối đều nhau. Thêu được ít nhất 8 vòng móc xích và đường thêu ít bị rúm.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | | |
| **Cá nhân**  - HS nêu ghi nhớ:  + Bước 1: Vạch dấu đường thêu  + Bước 2: Thêu móc xích theo đường vạch dấu.  - HS lắng nghe.  - HS thực hành thêu cá nhân.  - HS trưng bày sản phẩm trong nhóm  - HS tự đánh giá các sản phẩm theo các tiêu chuẩn trên – Chọn sản phẩm trưng bày trước lớp  - HS thực hành thêu tại nhà.  - Tạo sản phẩm từ thêu móc xích | **HĐ1: HS thực hành thêu móc xích*:***  - Y/c HS nhắc lại phần ghi nhớ và thực hiện các bước thêu móc xích.  - GV nhận xét và củng cố kỹ thuật thêu các bước:  - GV nhắc lại một số điểm cần lưu ý ở tiết 1.  - GV nêu yêu cầu thời gian hoàn thành sản phẩm và cho HS thực hành.  - GV quan sát, uốn nắn, chỉ dẫn cho những HS còn lúng túng hoặc thao tác chưa đúng kỹ thuật.  **HĐ2: Đánh giá kết quả học tập của HS.**  - GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm thực hành.  - GV nêu tiêu chuẩn đánh giá sản phẩm:  + Thêu đúng kỹ thuật.  + Các vòng chỉ của mũi thêu móc nối vào nhau như chuỗi mắt xích và tương đối bằng nhau.  + Đường thêu phẳng, không bị rúm.  + Hoàn thành sản phẩm đúng thời gian quy địnhù.  - GV nhận xét chung và đánh giá kết quả học tập của HS.  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p****)* | |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**CHÚ ĐẤT NUNG** *(tiếp theo)*

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Chú Đất Nung nhờ dám nung mình trong lửa đã trở thành người hữu ích, cứu sống được người khác (trả lời được các câu hỏi 1, 2, 4 trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Biết đọc với giọng kể chậm rãi, phân biệt được lời người kể với lời nhân vật (chàng kị sĩ, nàng công chúa, chú Đất Nung).

**3. Thái độ**

- GD HS tính kiên trì trong học tập và rèn luyện

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

*\** ***KNS:*** *Xác định giá trị. Tự nhận thức về bản thân/ Thể hiện sự tự tin*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 139/SGK (phóng to)

+ Bảng phụ ghi sẵn câu, đoạn cần luyện đọc

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, đóng vai.

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ, động não, tia chớp

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - 1 HS đọc  *+ Vì chú muốn xông pha, làm được nhiều việc có ích.* | **1. Khởi động:** *(3p)*  *+*  Hs đọc bài “ Chú Đất Nung . ”  *+ Tại sao chú bé Đất quyết định thành chú Đất Nung?*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:**  Biết đọc với giọng kể chậm rãi, phân biệt được lời người kể với lời nhân vật (chàng kị sĩ, nàng công chúa, chú Đất Nung).  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 3 đoạn.  + Đoạn 1: *Hai người bột … tìm công chúa*.  + Đoạn 2: *Gặp công chúa… chạy trốn.*  + Đoạn 3: *Chiếc thuyền …đến se lại bột.*  + Đoạn 4: *Hai người bột đến hết*  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*buồn tênh, nắp lọ, con ngòi, nước xoáy, cộc tuếch,...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó: (đọc phần chú giải)  - HS đọc nối tiếp lần 2 theo điều khiển  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc: đọc chậm rãi ở câu đầu, giọng hồi hộp, căng thẳng khi tả nỗi nguy hiểm mà nàng công chúa và chàng kị sĩ phải trải qua. Lời chàng kị sĩ và nàng công chúa lo lắng, căng thẳng, khi gặp nạn ngạc nhiên, khâm phục khi gặp lại Đất Nung: Lời Đất Nung, thẳng thắn, chân thành, bộc tuệch.  - GV chốt vị trí các đoạn  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1)  - Yêu cầu đặt câu để hiểu rõ thêm nghĩa của từ *hoảng hốt* |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Chú bé Đất dám nung mình trong lửa đã trở thành người hữu ích, cứu sống được người khác  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc  - HS tự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi  - TBHT điều hành hoạt động báo cáo:  *+ Hai người bột sống trong lọ thủy tinh rất buồn chán. Lão chuột già cạy nắp tha nàng công chúa vào cống, chàng kị sĩ phi ngựa đi tìm nàng và bị chuột lừa vào cống. Hai người cùng gặp lại nhau và cùng chạy trốn. Chẳng may họ bị lật* *thuyền, cả hai bị ngâm nước nhũn cả chân tay.*  *+ Khi thấy hai người bột gặp nạn, chú liền nhảy xuống,vớt họ lên bờ phơi nắng.*  *+ Vì Đất Nung đã được nung trong lửa, chịu được nắng mưa nên không sợ bị nước, không sợ bị nhũn chân tay khi gặp nước như hai người bột.*  *+ Câu nói của Đất Nung ngắn gọn, thông cảm cho hai người bột chỉ sống trong lọ thủy tin, không chịu được thử thách /Câu nói đó khuyên mọi người đừng quen cuộc sống sung sướng mà không chịu rèn luyện mình/...*  - Tiếp nối nhau đặt tên.  ⮚ Tốt gỗ hơn tốt nước sơn  ⮚ Lửa thử vàng, gian nan thử sức  ⮚ Đất Nung dũng cảm.  ⮚ Hãy rèn luyện để trở thành người có ích.  **Ý nghĩa**: ***Truyện ca ngợi chú Đất Nung nhờ dám nung mình trong lửa đỏ đã trở thành người hữu ích, chịu được nắng mưa, cứu sống hai người bột yếu đuối***.  - HS ghi lại ý nghĩa của bài vào vở. | - Gọi HS đọc 4 câu hỏi cuối bài.  *+ Kể lại tai nạn của hai người bột.*  *+ Đất Nung đã làm gì khi thấy hai người bột gặp nạn?*  *+ Vì sao chú Đất Nung có thể nhảy xuống nước cứu hai người bột?*  *+ Theo em, câu nói cộc tuếch của Đất Nung có ý nghĩa gì*?  - HS đặt tên khác cho truyện.  - Hãy nêu ý nghĩa câu chuyệN  \* HS M3+M4 đọc trả lời câu hỏi hoàn chỉnh và các câu nêu nội dung đoạn, bài. |
| **3. Luyện đọc diễn cảm:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diến cảm toàn bài, thể hiện giọng đọc phù hợp với nội dung bài, phân biệt lời các nhân vật  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - 1 HS nêu lại  - 1 HS đọc toàn bài  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc phân vai  - Thi đọc phân vai trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  + Muốn trở thành người có ích phải biết rèn luyện, không sợ gian khổ, khó khăn...  - Kể lại toàn bộ câu chuyện Chú Đất Nung | + Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài, nêu giọng đọc các nhân vật  - Yêu cầu đọc phân vai cả bài  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - Em học được điều gì từ chú Đất Nung?  - Liên hệ, giáo dục ý chí rèn luyện qua gian khó  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 69:* CHIA MỘT SỐ CHO MỘT TÍCH**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách chia một số cho một tích

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được phép chia một số cho một tích.

- Biết vận dụng cách chia một số cho một tích để giải các bài toán liên quan

**3. Thái độ**

- Tính chính xác, cẩn thận.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động***:(5p)*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết cách chia một số cho một tích  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp** | |
| - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Chia sẻ lớp  *+ 3 BT đều có giá trị bằng nhau.*  *+ Có dạng là một số chia cho một tích.*  *+ Tính tích 3 x 2 = 6 rồi lấy 24: 6 = 4*  *+ Lấy 24 chia cho 3 rồi chia tiếp cho 2 (Lấy 24 chia cho 2 rồi chia tiếp cho 3).*  *+ Là các thừa số của tích (3 x 2).*  **+ Khi chia một số cho một tích hai thừa số, ta có thể chia số đó cho một thừa số, rồi lấy kết quả tìm được chia tiếp cho thừa số kia**  - HS lấy VD và thực hành chia 1 số cho 1 tích. | - Ghi lên bảng ba biểu thức sau  24: (3 x 2) 24: 3: 2 24: 2: 3  - Cho HS tính giá trị của các biểu thức trên.  *+ Vậy các em hãy so sánh giá trị của ba biểu thức trên?*  - GV: 24: (3 x 2) = 24: 3: 2 =24: 2 : 3  \* Tính chất một số chia cho một tích  *+ Biểu thức 24: (3 x 2) có dạng như thế nào?*  *+ Khi thực hiện tính giá trị của biểu thức này em làm như thé nào?*  *+ Em có cách tính nào khác mà vẫn tìm được giá trị của 24: (3 x 2) = 4?*  *+ 3 và 2 là gì trong biểu thức 24:(3 x 2)?*  *+ Dựa vào ví dụ trên, em hãy rút ra qui tắc?* |
| **3. HĐ thực hành (18 p*)***  **\* Mục tiêu:** Thực hiện chia 1 số cho 1 tích và vận dụng giải các bài toán liên quan  **\* Cách tiến hành** | |
| - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đ/a:  50: (2 x 5) 72: (9 x 8) 28: (7 x 2)  = 50: 2 : 5 = 72: 9: 8 = 28: 7: 2  = 25 : 5 = 8: 8 = 4: 2  = 5 = 1 = 2  - Nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đ/a:  80: 40 150: 50 80: 16  = 80: (10 x4) = 150: (10 x 5) = 80: (4 x 4)  = 80: 10: 4 = 150: 10: 5 = 80 : 4: 4  = 8: 4 = 2 = 15: 5 = 5 = 20: 4 = 5  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài giải  Giá tiền mỗi quyển vở là:  7 200 : (3 x 2) = 1200 (đồng)  Đáp số: 1200 đồng  - Ghi nhớ cách chia 1 số cho 1 tích  - Giải BT 3 bằng cách khác. | ***Bài 1:*** Tính giá trị của biểu thức.  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Nhận xét, chốt đáp án.  - Củng cố cách chia 1 số cho 1 tích  ***Bài 2:*** Chuyển mỗi phép tính...  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập  ­- GV hướng dẫn bài mẫu.  ***Bài 3 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Nhận xét, chốt đáp án.  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**THẾ NÀO LÀ MIÊU TẢ?**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được thế nào là miêu tả (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được câu văn miêu tả trong truyện Chú Đất Nung (BT1, mục III); bước đầu viết được 1, 2 câu miêu tả một trong những hình ảnh yêu thích trong bài thơ Mưa (BT2).

**3. Thái độ**

- HS tích cực, tự giác học bài

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bút dạ và một số tờ giấy khổ to kẻ sẵn nội dung bài tập 2 (phần nhận xét).

- HS: SBT, vở viết văn

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | | | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | | | | **1. Khởi động:(***5p)*    - GV nêu mục tiêu, yêu cầu bài học | |
| **2. Hình thành KT** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu được thế nào là miêu tả  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm - Lớp**  ***a. Giới thiệu bài:***  - Khi nhà em bị lạc mất con mèo (con chó). Muốn tìm được đúng con vật nhà mình em phải nói thế nào khi muốn hỏi mọi người xung quanh  - Nói như vậy là em đã miêu tả con mèo (con chó) nhà mình để cho mọi người biết đặc điểm của nó. Tiết học hôm nay sẽ giúp các em hiểu được *Thế nào là miêu tả*. Ghi tên bài. | | | | | |
| - Đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Một HS đọc thành tiếng đoạn văn. HS cả lớp theo dõi. dùng bút chì gạch chân những vật được miêu tả.  - Các sự vật được miêu tả: *cây sòi- cây cơm nguội, lạch nước.*  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - HS làm theo nhóm 4 – Chia sẻ lớp | | | | **b. Nhận xét**  **Bài 1**: Đoạn văn sau miêu tả những sự vật gì?  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  - YC HS cả lớp theo dõi và tìm những sự vật được miêu tả.  - Gọi 1 HS phát biểu ý kiến.  **Bài 2:** Viết vào vở những điều em hình dung được...  - Nhận xét lời kết luận đúng. | |
| **TT** | **Tên sự vật** | **Hình dáng** | **Màu sắc** | **Chuyển động Tiếng động** |  |
| M: 1 | Cây sòi | cao lớn | Lá đỏ  chói lọi | Lá rập rình lay động  như những đốm lửa đỏ |  |
| 2 | Cây cơm nguội |  | Lá vàng  rực rỡ | Lá rập rình lay động  như những đốm lửa  vàng. |  |
| 3 | Lạch nước |  |  | trườn trên mấy tảng đá, róc rách  luồn dưới mấy gốc cây (chảy) ẩm mục |  |

|  |  |
| --- | --- |
| - Đọc thầm lại đoạn văn và trả lời câu hỏi cá nhân  *+ Tác giả phải quan sát bằng mắt.*  *+ Tác giả phải quan sát bằng mắt.*  *+ Tác giả phải quan sát bằng mắt và bằng tai.*  *+ Muốn như vậy người viết phải quan sát kĩ bằng nhiều giác quan.*  - Lắng nghe.  - 2 – 3 HS đọc, cả lớp đọc thầm. | **Bài 3:** Yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi:  *+ Để tả được hình dáng của cây sòi, màu sắc của lá cây sòi,cây cơm nguội, tác giả phải quan sát bằng giác quan nào?*  *+ Để tả được chuyển động của lá cây tác giả phải quan sát bằng giác quan nào?*  *+ Còn sự chuyển động của dòng nước, tác giả phải quan sát bằng giác quan nào?*  *+ Muốn miêu tả được sự vật một cách tinh tế, người viết phải làm gì?*  ***\* Miêu tả là vẽ lại bằng lời những đặc điểm nổi bật của sự vật để giúp người đọc, người nghe hình dung được các sự vật ấy. Khi miêu tả người viết phối hợp rất nhiều giác quan để quan sátkhiến cho sự vật được miêu tả thêm đẹp hơn, sinh động hơn.***  ***c) Ghi nhớ:*** .  - Gọi HS đọc ghi nhớ |
| **3. HĐ thực hành** (18p)  **\* Mục tiêu**: Nhận biết được câu văn miêu tả trong truyện Chú Đất Nung (BT1, mục III); bước đầu viết được 1, 2 câu miêu tả một trong những hình ảnh yêu thích trong bài thơ Mưa (BT2).  **\* Cách tiến hành:** | |
| - Làm nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đ/a:  - Câu văn: *“Đó là một chàng kị sĩ rất bảnh, cưỡi ngựa tía, dây cương vàng và một nàng công chúa mặt trắng, ngồi trong mái lầu son”.*  - Cá nhân – Chia sẻ lớp  - HS đọc  - Lắng nghe  VD:  + Em thích hình ảnh:  • Sấm ghé xuống sân, khanh khách cười.  • Cây dừa sải tay bơi.  • Ngọn mùng tơi nhảy múa.  • Khắp nơi toàn màu trắngcủa nước.  • Bố bạn nhỏ đi cày về…  - Tự viết bài.  - Đọc bài văn của mình trước lớp.  *+ Cây dừa ngoài ngõ oằn mình theo chiều gió. Lá dừa như những cánh tay người đang sải bơi giữa dòng nước trắng xóa, mênh mông.*  *+ Sấm rền vang rồi bỗng nhiên “đùng đùng, đoàng đoàng” làm cho mọi người giật nảy mình, tưởng như sấm đang ở ngoài sân, cất tiếng cười khanh khách.*  - Ghi nhớ kiến thức về miêu tả  - Miêu tả thêm một vài hình ảnh ở BT 2 | **Bài 1:** Tìm những câu văn miêu tả trong bài “Chú Đất Nung”.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  **Bài 2**  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  - Yêu cầu HS quan sát tranh minh hoạ và giảng: Hình ảnh sự vật trong cơn mưa được Trần Đăng Khoa tạo nên rất sinh động và hay. Phải có con mắt tinh tế khi nhìn sự vật mới miêu tả được như vậy. Chúng mình cùng thi xem lớp ta ai sẽ viết được những câu văn miêu tả sinh động nhất.  *+ Trong bài thơ Mưa, em thích hình ảnh nào?*  - Yêu cầu HS viết đoạn văn miêu tả.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 viết đoạn văn.  - HS M3+M4 viết đoạn văn có sử dụng biện pháp nhân hóa, so sánh,...  - Gọi HS đọc bài viết của mình. Nhận xét, sửa lỗi dùng từ, diễn đạt cho từng HS  **4. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **5. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số biện pháp bảo vệ nguồn nước:

+ Phải vệ sinh xung quanh nguồn nước.

+ Làm nhà tiêu tự hoại xa nguồn nước.

+ Xử lí nước thải bảo vệ hệ thống thoát nước thải,...

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được các biện pháp bảo vệ nguồn nước tại gia đình, địa phương

*\* ĐCND: Không yêu cầu tất cả học sinh vẽ tranh cổ động tuyên truyền bảo vệ nguồn nước. Giáo viên hướng dẫn, động viên, khuyến khích để những em có khả năng được vẽ tranh, triển lãm*

**3. Thái độ**

- Có ý thức bảo vệ nguồn nước.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

***\* KNS:***

*-Bình luận, đánh giá về việc sử dụng và bảo vệ nguồn nước*

*-Trình bày thông tin về việc sử dụng và bảo vệ nguồn nước*

***\* BVMT:***

*- Bảo vệ, cách thức làm cho nước sạch, tiết kiệm nước; bảo vệ bầu không khí*

**II. CHUẨN BỊ :**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Các hình minh hoạ trong SGK trang 58, 59 (Phóng to nếu có điều kiện).

+ Sơ đồ dây chuyền sản xuất và cung cấp nước sạch của nhà máy nước (dùng ở bài 27).

- HS: SGK, chuẩn bị giấy, bút màu.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi, thí nghiệm

- KT: động não, tia chớp, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành HS trả lời và nhận xét  *+ Nước từ trạm bơm đợt 1 đi vào dàn khử sắt, bể lắng=>bể lọc=>sát trùng=>bể chứa=>trạm bơm đợt 2 cung cấp nước cho các hộ gia đình.*  *+ Vì đun sôi nước giúp diệt sạch những vi khuẩn có hại* | **1. Khởi động** (5p)  *+ Dùng sơ đồ mô tả dây chuyển sản xuất và cung cấp nước sạch của nhà máy.*  *+ Tại sao chúng ta cần phải đun sôi nước trước khi uống?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới: *(****30p)*  **\* Mục tiêu:** Nêu được các biện pháp bảo vệ nguồn nước. Thực hiện các biện pháp bảo vệ nguồn nước tại gia đình, địa phương  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm- Lớp** | |
| **Nhóm 4 - Lớp**  - SH quan sát các hình vẽ trong SGK, thảo luận và chia sẻ trước lớp:  + *Hình 1*: Vẽ biển cấm đục phá ống nước. Việc làm đó nên làm, vì để tránh lãng phí nước và tránh đất, cát, bụi hay các tạp chất khác lẫn vào nước sạch gây ô nhiễm nguồn nước.  + *Hình 2*: Vẽ 2 người đổ rác thải, chất bẩn xuống ao. Việc làm đó không nên vì làm như vậy sẽ gây ô nhiễm nguồn nước, ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, động vật sống ở đó.  + *Hình 3*: Vẽ một sọt đựng rác thải. Việc làm đó nên làm, vì nếu rác thải vứt bỏ không đúng nơi quy định sẽ gây ô nhiễm môi trường, chất không sử dụng hết sẽ ngấm xuống đất gây ô nhiễm nước ngầm và nguồn nước.  + *Hình 4*: Vẽ sơ đồ nhà tiêu tự hoại. Việc làm đó nên làm, vì như vậy sẽ ngăn không cho chất thải ngấm xuống đất gây ô nhiễm mạch nước ngầm.  + *Hình 5*: Vẽ một gia đình đang làm vệ sinh xung quanh giếng nước. Việc làm đó nên làm, vì làm như vậy không để rác thải hay chất bẩn ngấm xuống đất gây ô nhiễm nguồn nước.  + *Hình 6*: Vẽ các cô chú công nhân đang xây dựng hệ thống thoát nước thải. Việc làm đó nên làm, vì trong nước thải có rất nhiều chất độc và vi khuẩn, gây hại nếu chúng chảy ra ngoài sẽ ngấm xuống đất gây ô nhiễm nguồn nước.  - 2 HS đọc  **Nhóm 6 - Lớp**  - HS thực hành vẽ tranh cổ động:  - Thảo luận tìm đề tài.  - Vẽ tranh.  - HS liên hệ  - Hoàn thành tranh vẽ tuyên truyền, cổ động về bảo vệ nguồn nước. | **HĐ1: Tìm hiểu những biện pháp bảo vệ nguồn nước.**  *- Hãy mô tả những gì em nhìn thấy trong hình vẽ? Theo em, việc làm đó nên hay không nên làm? Vì sao?*  - GV giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn.  - Chốt lại các việc nên và không nên làm để bảo vệ nguồn nước.  - Yêu cầu 2 HS đọc mục Bạn cần biết  **HĐ2: Cuộc thi “Đội tuyên truyền giỏi:**  - GV tổ chức cho HS vẽ tranh theo nhóm  - GV hướng dẫn, động viên, khuyến khích những em có khả năng vẽ tranh, triển lãm mọi người cùng bảo vệ nguồn nước.  - GV hướng dẫn từng nhóm, đảm bảo HS nào cũng được tham gia.  - GV nhận xét  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  - Liên hệ: Tại địa phương và gia đình em đã có những biện pháp nào để bảo vệ nguồn nước?  **4. Hoạt động sáng tạo *(****1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**DÙNG CÂU HỎI VÀO MỤC ĐÍCH KHÁC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được một số tác dụng phụ của câu hỏi (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được tác dụng của câu hỏi (BT1); bước đầu biết dùng CH để thể hiện thái độ khen, chê, sự khẳng định, phủ định hoặc yêu cầu, mong muốn trong những tình huống cụ thể (BT2, mục III).

**3. Thái độ**

- Thể hiện thái độ lịch sự trong giao tiếp

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL giao tiếp.

*\** ***KNS:*** *Thể hiện thái độ lích sự trong giao tiếp/Lắng nghe tích cực*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng lớp viết sẵn bài tập 1 phần nhận xét.

+ Các tình huống ở bài tập 2 viết vào những tờ giấy nhỏ.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động *(5p)***  - Gọi HS đặt câu hỏi với mỗi từ sau: ai, làm gì, vì sao,...  - Dẫn vào bài mới | | | - HS nối tiếp đặt câu |
| **2. Hình thành KT** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết được một số tác dụng phụ của câu hỏi (ND Ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành:** | | | |
| **a. Nhận xét**  ***Bài 1: Đọc lại đoạn đối thoại...***  - Gọi HS đọc đoạn đối thoại giữa ông Hòn Rấm và chú Đất trong truyện *Chú Đất Nung*. Tìm câu hỏi trong đoạn văn.  ***Bài 2:***  *+ Các câu hỏi của ông Hòn Rấm có dùng để hỏi về điều chưa biết không? Nếu không chúng được dùng để làm gì*  *+ Câu “Sao chú mày nhát thế?” ông Hòn Rấm hỏi với ý gì?*  *+ Câu: “Chứ sao” của ông Hòn Rấm không dùng để hỏi. Vậy câu hỏi này có tác dụng gì?*  ***\* Có những câu hỏi không dùng để hỏi về điều mình chưa biết mà còn dùng để thể hiện thái độ khen, chê hay khẳng định, phủ định một điều gì đó.***  ***Bài 3***  - Yêu cầu HS trao đổi, trả lời câu hỏi.  - Gọi HS trả lời, bổ sung.  *+ Ngoài tác dụng để hỏi những điều chưa biết. Câu hỏi còn dùng để làm gì?*    ***b.* Ghi nhớ:** | **Cá nhân- Nhóm 2- Lớp**  - HS đọc thành tiếng. Cả lớp đọc thầm, dùng bút chì gạch chân dưới câu hỏi.  *- Sao chú mày nhát thế?*  *Nung ấy à?*  *Chứ sao?*  - 2 HS ngồi cùng bàn trao đổi với nhau để trả lời – Chia sẻ trước lớp  *+ Cả hai câu hỏi đều không phải để hỏi điều chưa biết. Chúng dùng để nói ý chê chú bé Đất.*  *+ Ông Hòn Rấm hỏi như vậy là chê chú bé Đất nhát.*  *+ Câu hỏi của ông Hòn Rấm là câu ông muốn khẳng định: đất có thể nung trong lửa*  - Lắng nghe    - HS trao đổi nhóm đôi – Chia sẻ trước lớp  *+ Câu hỏi: “Cháu có thể nói nhỏ hơn không?” không dùng để hỏi mà để yêu cầu các cháu hãy nói nhỏ hơn.*  *+ Ngoài tác dụng dùng để hỏi, câu hỏi còn dùng để thể hiện thái độ khen, chê, khẳng định, phủ định hay yêu cầu, đề nghị một điều gì đó.*  - HS đọc ghi nhớ. Lớp đọc thầm.  - HS lấy VD về dùng câu hỏi vào mục đích khác. | | |
| **3. Hoạt động thực hành (***18p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được tác dụng của câu hỏi (BT1); bước đầu biết dùng CH để thể hiện thái độ khen, chê, sự khẳng định, phủ định hoặc yêu cầu, mong muốn trong những tình huống cụ thể  **\* Cách tiến hành:** | | | |
| ***Bài 1:*** Các câu hỏi sau đây dùng làm gì?  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  ***- Mỗi câu hỏi đều diễn đạt một ý nghĩa khác nhau. Trong khi nói, viết chúng ta cần sử dụng linh hoạt cho lời nói, câu văn bản thêm hay và lôi cuốn người đọc, người nghe hơn.***  ***Bài 2:*** Đặt câu phù hợp với các tình huống  - Nhận xét, kết luận đáp án đúng.  - Lưu ý cách đặt câu phù hợp với từng hoàn cảnh giao tiếp và đối tượng giao tiếp để đạt được hiệu quả cao nhất.  ***Bài 3***: Hãy nêu một vài tình huống có thể dùng câu hỏi.  - Nhận xét, kết luận đáp án đúng.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 bày tỏ mong muốn.  **4. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **5. HĐ sáng tạo** *(1p)* | | - Làm việc nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đ/a:  - Câu a: Câu hỏi của người mẹ được dùng để yêu cầu con nín khóc.  Câu b: Câu hỏi được bạn dùng để thể hiện ý chê trách.  Câu c: Câu hỏi của người chị được dùng để thể hiện ý chê em vẽ ngựa không giống.  Câu d: Câu hỏi bà cụ dùng để thể hiện ý yêu cầu, nhờ cậy giúp đỡ.  - Lắng nghe  - Thực hiện theo nhóm 4 – Chia sẻ lớp  Đ/a:  *a) Bạn có thể chờ hết giờ sinh hoạt, chúng mình cùng nói chuyện được không?*  *b) Sao nhà bạn sạch sẽ, ngăn nắp thế?*  *c) Bài toán không khó nhưng mình làm phép nhân sai. Sao mà mình lú lẫn thế nhỉ?*  *d) Chơi diều cũng thích chứ?*  - Cá nhân – Chia sẻ lớp  Đ/a:  a) Tỏ thái độ khen, chê:  - *Con mèo nhà em hay ăn vụng. Em mắng nó:*  *“Sao mày hư thế?”*  *- Tối qua, bé rất nghịch, bôi mực bẩn hết sách của em. Em tức quá, kêu lên: “Sao em hư thế nhỉ? Anh không chơi với em nữa”.*  b) Khẳng định, phủ định:  - *Một bạn chỉ thích học tiếng Pháp. Em nói với bạn: “Tiếng Anh cũng hay chứ?”*  *- Bạn thấy em nói vậy thì bĩu môi: “Tiếng Anh thì hay gì?”*  c) Thể hiện yêu cầu, mong muốn.  *- Em trai em nhảy nhót trên giường huỳnh huỵch lúc em dang chăm chú học bài. Em bảo:*  *“Em ra ngoài cho chị học bài được không?”*  - Sử dụng câu hỏi vào các mục đích khác trong giao tiếp hàng ngày để thể hiện phép lịch sự.  - Tạo đoạn hội thoại giữa em và các bạn. Trong đoạn có sử dụng các câu hỏi vào mục đích khác. | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 70:* CHIA MỘT TÍCH CHO MỘT SỐ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Biết cách chia một tích cho một số.

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được phép chia một tích cho một số.

- Biết vận dụng tính chất để giải các bài toán liên quan

**3. Thái độ**

- Tính chính xác, cẩn thận, trình bày bài sạch sẽ.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - HS tham gia trò chơi dưới sự điều hành của GV | **1.Khởi động***:(5p)*  Trò chơi: **Ai nhanh ai đúng?**  12 : 4 + 20 : 4 =  35 : 7 - 21 : 7 =  60 : 3 + 9 : 3 =  18 : 6 + 24 : 6 =  - GV tổng kết trò chơi  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết cách chia một tích cho một số  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS đọc các biểu thức.  - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  (9 x15): 3 9 x (15: 3) (9: 3) x 15  = 135: 3 = 9 x 5 = 3 x 15  = 45 = 45 = 45  - Giá trị củaba biểu thức trên cùng bằng nhau là 45.  - HS đọc các biểu thức  - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  (7 x 15): 3 = 105: 3 = 35  7 x (15: 3) = 7 x 5 = 35  *+ Giá trị của ba biểu thức trên bằng nhau là 35.*  *+ Có dạng là một tích chia cho một số.*  *+ Tính tích 9 x 15 = 135 rồi lấy 135: 3 = 45.*  *+ Lấy 15 chia cho 3 rồi lấy kết quả tìm được nhân với 9 (Lấy 9 chia cho 3 rồi lấy kết quả vừa tìm được nhân với 15).*  *+ Là các thừa số của tích (9 x 15).*  *+ HS nêu qui tắc. (SGK)*  - HS lấy VD về 1 tích chia cho 1 số và thực hành tính | - GV viết lên bảng ba biểu thức sau:  \* Ví dụ 1:  (9 x 15): 3 9 x (15: 3) (9: 3) x 15  - Tính giá trị của các biểu thức trên.  - GV yêu cầu HS so sánh giá trị của ba biểu thức.  - Vậy ta có  (9 x 15): 3 = 9 x (15: 3) = (9: 3) x 15  \* Ví dụ 2:  (7 x 15): 3 ; 7 x (15: 3)  - Các em hãy tính giá trị của các biểu thức trên.  *+ Các em hãy so sánh giá trị của các biểu thức trên.*  - Vậy ta có (7 x 15): 3 = 7 x (15: 3)  *+ Biểu thức (9 x 15): 3 có dạng như thế nào?*  *+ Khi thực hiện tính giá trị của biểu thức này em làm như thế nào?*  *+ Em có cách tính nào khác mà vẫn tìm được giá trị của (9 x 15): 3? (Gợi ý dựa vào cách tính giá trị của biểu thức 9 x (15: 3) và biểu thức (9: 3) x 15*  *+ 9 và 5 là gì trong biểu thức (9 x 15): 3?*  *+ Qua hai ví dụ em hãy rút ra qui tắc tính?* |
| **3. HĐ thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu:** Thực hiện chia một tích cho một số và vận dụng giải các bài tập liên quan  **\* Cách tiến hành:** | |
| - Cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đ/a:  a. (8 x 23): 4 (8 x 23): 4  = 184: 4 = 46 = (8: 4) x 23  = 2 x 23 = 46  b. (15 x 24): 6 (15 x 24): 6  = 360: 6 = 60 = 15 x (24: 6)  = 15 x 4 = 60  - HS đọc yêu cầu đề bài – HS nêu cách tính  Cách 1: (25 x 36): 9 = 900: 9 = 100  Cách 2: (25 x 36): 9 = 25 x (36: 9)  = 25 x 4 = 100  + Cách 2  - Lắng nghe  - HS thực hành tính thuận tiện  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài giải  5 tấm vải dài tất cả số mét là:  30 x 5 = 150 (m)  Cửa hàng đã bán só mét vải là:  150 : 5 = 30 (m)  Đ/s: 30 mét vải  (có thể viết gộp: (30 x 5) : 5 = 30 m))  - Ghi nhớ cách chia 1 tích cho 1 số  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải | ***Bài 1:*** Tính bằng hai cách:  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Nhận xét, chốt đáp án.  - Củng cố tính chất chia một tích cho một số.  **Bài 2:** Tính bằng cách thuận tiện nhất.  - GV ghi biểu thức lên bảng  (25 x 36): 9  - Yêu cầu HS tính cách nào thuận tiện nhất.  *\*\*Vì ở cách làm thứ nhất ta phải thực hiện nhân số có hai chữ số với số có hai chữ số (25 x 36) rất mất thời gian ; còn ở cách làm thứ hai ta được thực hiện một phép chia trong bảng (36: 9) đơn giản, sau đó lấy 25 x 4 là phép tính nhân nhẩm được.*  - Lấy thêm một số VD cho HS thực hành: (125 x 48):6  **Bài 3 (*bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. HĐ ứng dụng** (1p)  **5. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**CẤU TẠO BÀI VĂN MIÊU TẢ ĐỒ VẬT**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được cấu tạo bài văn miêu tả đồ vật, các kiểu mở bài, kết bài, trình tự miêu tả trong phần thân bài (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Biết vận dụng kiến thức đã học để viết mở bài, kết bài cho một bài văn miêu tả cái trống trường (mục III).

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác làm bài.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ cái cối xay trang 144, SGK.

- HS: SGK, VBT

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Miêu tả là vẽ lại bằng lời những đặc điểm nổi bật của cảnh, của người, của vật để....* | **1. Khởi động *(5p)***  *+ Thế nào là miêu tả?*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\*Mục tiêu:** Nắm được cấu tạo bài văn miêu tả đồ vật, các kiểu mở bài, kết bài, trình tự miêu tả trong phần thân bài  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Nhóm 2- Chia sẻ lớp**  - HS đọc bài văn và chú giải.  - Quan sát và lắng nghe.  *+ Bài văn tả cái cối xay gạo bằng tre.*  *+ Phần mở bài: “Cái cối xinh xinh xuất hiện như một giấc mộng,ngồi chễm chệ giữa gian nhà trống”. Mở bài giới thiệu cái cối.*  *+ Phần kết bài: “Cái cối xay cũng như những đồ dùng đã sống cùng tôi….. từng bước chân anh đi….. ” Nói lên tình cảm của bạn nhỏ với các đồ dùng trong nhà.*  *+ Mở bài trực tiếp, kết bài mở rộng trong văn kể chuyện.*  *+ Mở bài trực tiếp là giới thiệu ngay đồ vật sẽ tả là cái cối tân.*  *+ Kết bài mở rộng là bình luận thêm về đồ vật.*  *+ Phần thân bài tả hình dáng cái cối theo trình tự từ bộ lớn đến bộ phận nhỏ, từ ngoài vào trong, từ phần chính đến phần phụ, cái vành, hai cái tai, hàm răng cối, cần cối, đầu cần, cái chốt, dây thừng buộc cần và tả công dụng của cái cối: dùng để xay lúa, tiếng cối làm vui của xóm.*  - Lắng nghe  *+ Khi tả đồ vật ta cần tả từ bên ngoài vào bên trong, tả những đặc điểm nổi bật và thể hiện được tình cảm của mình với đồ vật ấy.*  - Lắng nghe.  - 2 HS đọc nội dung ghi nhớ | ***a. Nhận xét***  ***Bài 1:*** Đọc bài văn và trả lời câu hỏi.  - Gọi HS đọc bài văn và chú giải.  - Yêu cầu HS quan sát tranh minh hoạ và giới thiệu: ***Ngày xưa, cách đây ba, bốn chục năm, ở nông thôn chưa có điện, chưa có máy xay sát như hiện nay nên người ta dùng cối xay tre để xay lúa. Hiện nay, một số gia đình nông thôn ở miền Bắc và miền Trung vẫn còn chiếc cối xay bằng tre giống như thế này***  *+ Bài văn tả cái gì?*  *+ Tìm các phần mở bài, kết bài. Mỗi phần ấy nói lên điều gì?*  *+ Các phần mở bài, kết bài đó giống với những cách mở bài, kết bài nào đã học?*  *+ Mở bài trực tiếp là như thế nào?*  *+ Thế nào là kết bài mở rộng?*  *+ Phần thân bài tả cái cối theo trình tự nào?*  ***\*Trong khi miêu tả cái cối, tác giả đã dùng những hình ảnh so sánh, nhân hóa sinh động: Chật như nêm cối, cái chốt bằng tre mà rắn như đanh, cái tai tỉnh táo để nghe ngóng, cái cối xay, cái võng đay, cái chiếu manh, cái mâm gỗ, cái giỏ cua, cái chạn bát, giường nứa… tất cả, tất cả chúng nó đều cất tiếng nói… Tác giả đã quan sát cái cối xay gạo bằng tre rất tỉ mỉ, tinh tế bằng nhiều giác quan. Nhờ sự quan sát tỉ mỉ, tinh tế ấy với cách sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ so sánh và nhân hóa trong bài làm cho bài văn miêu tả cái cối xay gạo chân thực mà sinh động.***  ***Bài 2:***  *+ Khi tả một đồ vật ta cần tả những gì?*  ***\* Muốn tả đồ vật tinh tế, tỉ mỉ ta phải tả bao quát toàn bộ đồ vật, rồi tả những bộ phận có đặc điểm nổi bật, không nên tả hết mọi chi tiết, mọi bộ phận vì như vậy sẽ lan man, dài dòng.***  ***b. Ghi nhớ.*** |
| 3**. HĐ thực hành *(18p)***  **\* Mục tiêu:** Biết vận dụng kiến thức đã học để viết mở bài, kết bài cho một bài văn miêu tả cái trống trường  **\* Cách tiến hành:** | |
| - Cá nhân – Nhóm 2- Lớp  *+ Câu: Anh chàng trống này tròn như cái chum, lúc nào cũng chễm chệ trên một cái giá gỗ kê ở trước phòng bảo vệ.*  *+ Bộ phận: ngang lưng trống, hai đầu trống.*  *+ Hình dáng: tròn như cái chum; mình được ghép bằng những mảnh gỗ đều chằn chặn, nở ở giữa, khum nhỏ lại ở hai đầu; ngang lưng quấn hai vành đai to bằng con rắn cạp nong, nom rất hùng dũng; hai đầu bịt kín bằng da trâu thuộc kĩ, căng rất phẳng.*  + Âm thanh: *tiếng trống ồm ồm giục giã*  *“Tùng! Tùng! Tùng!” – giục trẻ rảo bước tới trường/ trống “cầm càng” theo nhịp “Cắc, tùng! Cắc, tùng!” để từng học sinh tập thể dục. / trống “xả hơi” một hồi dài là lúc học sinh nghỉ.*  - HS tự làm vào vở.- Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp  + Mở bài trực tiếp: *Những ngày đầu cắp đến trường, có một đồ vật gây cho tôi ấn tượng thích thú nhất, đó là chiếc trống trường.*  + Mở bài gián tiếp: *Kỉ niệm của những ngày đầu bạn đi học là gì? Là cái cổng cao ngợp, là cái bàn học đứng gần tới cổ hay tường vôi trắng mới quét ngày khai trường….? Còn tôi luôn nhớ tới chiếc trống trường, nhớ những âm thanh rộn rã, náo nức của nó.*  + Kết bài mở rộng: *Rồi đây, chúng tôi sẽ xa mái trường tiểu học nhưng âm thanh thôi thúc, rộn ràng của tiếng trống trường thuở ấu thơ vẫn vang vọng mãi trong tâm trí tôi.*  + Kết bài không mở rộng: *Tạm biệt anh trống. Ngày mai anh nhớ “tìng, tùng, tùng…tùng” gọi chúng tôi đến trường nhé.*  - 7 đến 10 HS đọc đoạn mở bài, kết bài của mình  - Ghi nhớ cấu tạo bài văn miêu tả đồ vật  - Viết MB theo cách gián tiếp và kết bài theo cách mở rộng | - Gọi 1 HS đọc đoạn văn, 1 HS đọc câu hỏi của bài.  *+ Câu văn nào tả bao quát cái trống?*  *+ Những bộ phận nào của cái trống được miêu tả?*  *+ Những từ ngữ tả hình dáng, âm thanh của cái trống.*    - Yêu cầu HS viết thêm mở bài, kết bài cho toàn thân bài trên.  - Nhắc HS: Các em có thể mở bài theo kiểu gián tiếp hoặc trực tiếp, kết bài theo kiểu mở rộng hoặc không mở rộng. Khi viết cần chú ý tạo sự liền mạch giữa đoạn mở bài với thân bài, giữa đoạn thân bài với đoạn kết bài.  - Gọi HS trình bày bài làm. GV sửa lỗi dùng từ, diễn đạt, liên kết câu cho từng HS và khen những em viết tốt.  **4. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **5. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

**ĐỊA LÍ**

**HoẠt đỘng sẢn xuẤt**

**cỦa ngưỜi dân Ở đỒng bẰng BẮc BỘ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số hoạt động sản xuất chủ yếu của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ:

+ Trồng lúa, là vựa lúa lớn thứ hai của cả nước.

+ Trồng nhiều ngô, khoai, cây ăn quả, rau xứ lạnh, nuôi nhiều lợn và gia cầm.

**2. Kĩ năng**

- Dựa vào bảng số liệu, nhận xét nhiệt độ của Hà Nội: tháng lạnh, tháng 1, 2, 3, nhiệt độ dưới 20 độ C, từ đó biết đồng bằng Bắc Bộ có mùa đông lạnh.

- Dựa vào tranh minh hoạ, nêu được thứ tự các công việc cần phải làm trong quá trình sản xuất lúa gạo

\* HS năng khiếu: Giải thích vì sao lúa gạo được trồng nhiều ở đồng bằng Bắc Bộ (vựa lúa lớn thứ hai của cả nước): đất phù sa màu mỡ, nguồn nước dồi dào, người dân có kinh nghiệm trồng lúa.

**3. Thái độ**

- HS có ý thức giữ gìn truyền thống, bản sắc dân tộc.

***\* BVMT:*** *Sự thích nghi và cải tạo môi trường của con người ở miền đồng bằng*

*+ Đắp đê ven sông, sử dụng nước để tưới tiêu*

*+ Trồng rau xứ lạnh vào mùa đông ở ĐBBB*

*+ Cải tạo đất chua mặn ở ĐBBB*

*+ Thường làm nhà dọc theo các sông ngòi, kênh rạch*

*+ Trồng phi lao để ngăn gió*

*+ Trồng lúa, trồng trái cây*

*+ Đánh bắt nuôi trồng thủy sản*

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bản đồ nông nghiệp Việt Nam.

+ Tranh, ảnh về trồng trọt, chăn nuôi ở ĐB Bắc Bộ

- HS: SGK, tranh, ảnh

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thuyết trình

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điêu hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Nhà được xây dụng chắc chắn, xung quanh có sân, vườn, ao...*  *+ Lễ hội ở ĐB Bắc Bộ được tổ chức vào mùa xuân và mùa thu để cầu cho một năm mới...* | **1.Khởi động:***(5p)*  *+ Hãy kể về nhà ở và làng xóm của người Kinh ở ĐB Bắc Bộ.*  *+ Lễ hội ở ĐB Bắc Bộ được tổ chức vào thời gian nào?*  - GV giới thiệu bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** Nắm được một số HĐSX của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | |
| **Nhóm 2 - Lớp**  *+ Đất phù sa màu mỡ, nguồn nước dồi dào, người dân có kinh nghiệm trồng lúa...*  *+ Làm đất, gieo mạ, nhổ mạ, cấy lúa, chăm sóc, gặt lúa, tuốt láu, phơi thóc.*  - Lắng nghe  - Liên hệ  + Cây trồng, vật nuôi khác của đồng bằng Bắc Bộ là trồng ngô, khoai, cây ăn quả, nuôi gia súc, gia cầm, nuôi và đánh bắt cá, tôm.  *+ Do có sẵn nguồn thức ăn là lúa gạo và các sản phẩm phụ của lúa gạo là ngô, khoai.*  **Nhóm 4 – Lớp**  *+ Từ 3 đến 4 tháng. Nhiệt độ thường giảm nhanh khi có các đợt gió mùa đông bắc tràn về.*  *+ Có 3 tháng nhiệt độ dưới 200c. Đó là những tháng: 1,2,12.*  *+ Thuận lợi: trồng thêm cây vụ đông;*  *+ Khó khăn: nếu rét quá thì lúa và một số loại cây bị chết.*  *+ Bắp cải, su hào, cà rốt, cà chua, xà lách, khoai tây,...*  - HS đọc phần ghi nhớ  + Tận dụng đất phù sa, nguồn nước trồng lúa.  + Đánh bắt và nuôi tôm, cá  + Trồng rau xứ lạnh vào vụ đông,...  + Thay cho gieo mạ, nhổ mạ và cấy lúa thì người ta gieo vãi (gieo thẳng) và tỉa lúa.  + Dùng máy trong khâu gieo mạ và cấy lúa cũng như chăm sóc lúa,.... | **HĐ1: Vựa lúa lớn thứ hai của cả nước:**  - Yêu cầu HS đọc SGK và vốn hiểu biết để trả lời.  *+ Đồng bằng Bắc Bộ có những thuận lợi nào để trở thành vựa lúa lớn thứ hai của đất nước?*  *+ Quan sát hình dưới đây và nêu thứ tự các công việc cần phải làm trong viêc sản xuất lúa gạo. Từ đó, em rút ra nhận xét gì về việc trồng lúa gạo của người nông dân?*  - GV giải thích thêm về đặc điểm của cây lúa nước; về một số công việc trong quá trình sản xuất lúa gạo để HS hiểu rõ nguyên nhân giúp cho ĐB Bắc Bộ trồng được nhiều lúa gạo; sự vất vả của người nông dân trong việc sản xuất ra lúa gạo. Từ đó giáo dục ý thức trân trọng lúa gạo.  - GV cho HS dựa vào SGK, tranh, ảnh nêu tên các cây trồng, vật nuôi khác của ĐB Bắc Bộ.    *+ Vì sao nơi đây nuôi nhiều lợn, gà, vịt?*  **Họat động 2: Vùng trồng nhiều rau xứ lạnh:**  *+ Mùa đông của ĐB Bắc Bộ dài bao nhiêu tháng? Khi đó nhiệt độ như thế nào?*  *+ Quan sát bảng số liệu và trả lời câu hỏi: Hà Nội có mấy tháng nhiệt độ dưới 200c? Đó là những tháng nào?*  *+ Nhiệt độ thấp vào mùa đông có thuận lợi và khó khăn gì cho sản xuất nông nghiệp?*  *+ Kể tên các loại rau xứ lạnh được trồng ở ĐB Bắc Bộ.*  - GV nhận xét và giải thích thêm ảnh hưởng của gió mùa đông bắc đối với thời tiết và khí hậu của ĐB Bắc Bộ.  - Chốt nội dung bài  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  - Giáo dục BVMT: Người dân đồng bằng BB đã có những hoạt động gì thích nghi và BVMT?  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)*  - Ngày nay, người dân ĐBBB đã có sáng tạo gì trong việc sản xuất lúa gạo? |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................